

Bản án số: 09/2018/HS-ST
Ngày: 04-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thành Công;

Ông Nguyễn Minh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sơn, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Thìn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 04 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2018/TLST-HS, ngày 25 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1993 tại Quảng Trị; nơi đăng ký thường trú: ấp B1, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu T (đã chết) và bà Lê Thị H; có vợ và 01 con; tiền án: tại bản án hình sự sơ thẩm số 243/2012/HSST ngày 10-12-2012, bị Tòa án nhân dân huyện B2, tỉnh Bình Dương xử phạt 05 (năm) năm tù về tội cố ý gây thương tích theo quy định tại khoản 3 Điều 104 của Bộ luật Hình sự. Ngày 19-02-2016, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo chưa chấp hành phần dân sự; tiền sự: không; ngày bị tạm giữ 04-6-2017; ngày được cho tại ngoại 13-6-2017; ngày bị bắt, tạm giam 14-8-2017; có mặt.

2. Lê Trọng Đ, sinh năm 1992 tại Thanh Hóa; nơi đăng ký thường trú: ấp L, xã L1, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Trọng A và bà Lê Thị Y; tiền án: tại bản án hình sự sơ thẩm số 51/2016/HSST ngày 12-7-2016, bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 08 (tám) tháng tù về tội cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm a, điểm i khoản 1

Điều 104 của Bộ luật Hình sự. Ngày 18-11-2016, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù; tiền sự: tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 30/QĐ-XPHC-HSMT ngày 06-5-2016, bị Công an huyện B, tỉnh Bình Dương xử phạt 3.500.000 đồng về hành vi hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác, bị cáo đã nộp phạt ngày 18-5-2016; ngày bị tạm giữ 04-6-2017; ngày được cho tại ngoại 13-6-2017; ngày bị bắt, tạm giam 07-8-2017; có mặt.

3. Lê Văn L sinh năm 1994 tại Bình Dương; nơi đăng ký thường trú: ấp C, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H và bà Lê Thị T; tiền án: tại bản án hình sự sơ thẩm số 68/2013/HSST ngày 25-9-2013, bị Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương xử phạt 06 (sáu) năm tù về tội cố ý gây thương tích theo quy định tại khoản 3 Điều 104 của Bộ luật Hình sự. Ngày 31-8-2015, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù; tiền sự: không; ngày bị bắt, tạm giam 12-11-2017; có mặt.

- *Bị hại:* Ông Trương Văn N, sinh năm: 1987; nơi cư trú: ấp B1, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Ông Trương Phùng Q, sinh năm: 1976; nơi cư trú: ấp B1, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

+ Bà Lê Thị H, sinh năm 1970; nơi cư trú: ấp B1, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

+ Bà Trịnh Thị B, sinh năm 1965; nơi cư trú: ấp L, xã L1, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

+ Ông Phạm Ngọc Trần Q, sinh năm: 1989; nơi cư trú: ấp O, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Ông Trịnh Duy T, sinh năm: 1977; nơi cư trú: ấp B1, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Khoảng 16 giờ ngày 04 tháng 6 năm 2017, Nguyễn Hữu Đ điều khiển xe mô tô lưu thông trên đường giao thông nông thôn tại ấp B1, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương thì xảy ra va chạm với Trương Văn N nên hai bên xảy ra mâu thuẫn. Nguyễn Hữu Đ dùng tay đánh N. N thấy Nguyễn Hữu Đ tiếp tục tìm

hung khí đánh mình. Nhon sợ hãi nên N bỏ chạy. Nguyễn Hữu Đ đuổi theo nhưng không kịp. Sau đó, Nguyễn Hữu Đ điều khiển xe mô tô đến nhà của ông Nguyễn Văn L. Do bị Nguyễn Hữu Đ đánh nên N điện thoại cho anh trai là Trương Phùng Q (Trương Phùng Q là bảo vệ của Công ty Becamex) nói mình vừa bị đánh. Trương Phùng Q gọi thêm Phạm Ngọc Trấn Q (Phạm Ngọc Trấn Q là là cấp dưới của Trương Phùng Q) đến gặp N rồi cả ba đi tìm Nguyễn Hữu Đ. Trương Phùng Q cầm theo một gậy cao su cấp cho lực lượng bảo vệ Becamex.

Sau khi xảy ra xô xát với N, Nguyễn Hữu Đ điện thoại cho Lê Văn L. L đi cùng Lê Trọng Đ (là bạn của Nguyễn Hữu Đ), Nguyễn Hữu Đ kể về việc đánh nhau rồi hẹn gặp nhau tại nhà của L. Tới nơi, Nguyễn Hữu Đ nói với L và Lê Trọng Đ về chuyện có bị một nhóm đang tìm đánh mình. Sau đó, Lê Trọng Đ đưa cho Nguyễn Hữu Đ hai con dao Thái Lan (loại dao gọt trái cây cán gỗ màu nâu) để phòng thân rồi cả ba đi lên xe về nhà của Nguyễn Hữu Đ để lấy đồ của L gửi đi Vũng Tàu chơi. Nguyễn Hữu Đ giấu hai con dao vào túi quần rồi điều khiển xe mô tô để chở Lê Trọng Đ và L về nhà của Nguyễn Hữu Đ.

Khi nhóm của Nguyễn Hữu Đ đi đến gần nhà ông Trịnh Duy T là công an viên ấp B, xã C thì gặp nhóm của N. N ra tín hiệu cho Nguyễn Hữu Đ dừng lại. Thấy nhóm của N có cầm theo gậy cao su nên Nguyễn Hữu Đ rút hai con dao trong túi đưa cho Lê Trọng Đ một con dao. Thấy N đi bộ tiến lại xe mô tô của mình, Nguyễn Hữu Đ cầm dao lao vào đâm N hai nhát theo chiều từ trên xuống. N dùng tay đỡ lại. Thấy vậy, L lao vào dùng tay không đánh N một cái. Nguyễn Hữu Đ tiếp tục đuổi theo dùng dao đâm thêm ba nhát trúng vào vùng thân trên của N. Cùng thời điểm đó, Lê Trọng Đ dùng dao đâm thêm hai nhát vào vùng bụng của N. Trương Phùng Q thấy Lê Trọng Đ và Nguyễn Hữu Đ dùng dao đâm N nên chạy tới dùng gậy cao su đánh trúng vào vùng đầu của Nguyễn Hữu Đ. L lao vào đánh Trương Phùng Q đồng thời giữ Trương Phùng Q cho Lê Trọng Đ giật gậy cao su rồi bỏ chạy vào nhà dân gần đó.

Sau đó L, Lê Trọng Đ và Nguyễn Hữu Đ lên xe mô tô bỏ trốn. Trương Phùng Q thấy nhóm của Nguyễn Hữu Đ bỏ trốn liền chạy lại nhắt gậy cao su đánh một nhát vào đầu của Lê Trọng Đ nhưng cả ba vẫn trốn thoát.

Trương Phùng Q và Phạm Ngọc Trấn Q đưa N đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương.

Ngày 04 tháng 6 năm 2017, Nguyễn Hữu Đ và Đại tự nguyện ra Công an phường T, thị xã Đ đầu thú. Công an phường T bàn giao hồ sơ cho Công an huyện B để giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với L sau khi gây án xong bỏ trốn. Đến ngày 12-11-2017, bị Cơ quan điều tra Công an huyện C bắt theo lệnh truy nã.

Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 214/2017/GĐPY ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Bình Dương: Trương Văn N được xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 59% (năm mươi chín phần trăm) theo bảng tỷ lệ tổn thương

cơ thể ban hành kèm theo thông tư số: 20/2014/TT-BYT do Bộ Y Tế ban hành ngày 12-6-2014.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận giám định của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Bình Dương nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Lê Trọng Đ, Lê Văn L đủ yếu tố cấu thành tội cố ý gây thương tích.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Trương Văn N yêu cầu các bị cáo Lê Trọng Đ, Nguyễn Hữu Đ và L bồi thường tổng số tiền là 156.732. 958 đồng. Bà Lê Thị H (là mẹ của bị cáo Nguyễn Hữu Đ) đã tự nguyện bồi thường cho bị hại N số tiền là 25.000.000 đồng, số tiền còn lại các bị cáo chưa bồi thường theo yêu cầu của bị hại.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về việc bồi thường thiệt hại.

Về vật chứng:

Đối với xe mô tô biển số 61T5-1544, Lê Trọng Đ sử dụng làm phương tiện phạm tội là của bà Trịnh Thị B. Bà B cho Lê Trọng Đ mượn xe để đi làm. Việc Lê Trọng Đ sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện phạm tội bà Bôn không biết nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với bà B. Ngày 16-10-2017, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả lại xe mô tô trên cho bà B. Bà B nhận xe và không có yêu cầu gì.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 con dao bằng kim loại dài 23cm cán gỗ màu nâu, 01 con dao bằng kim loại cán gỗ dài 11cm chiều rộng 01 cm.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về việc xử lý vật chứng.

Bản Cáo trạng số 02/KSĐT ngày 24 tháng 01 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đã truy tố các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Lê Trọng Đ, Lê Văn L về “Tội cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Hữu Đ, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Đ từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lê Trọng Đ, xử phạt bị cáo Lê Trọng Đ từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lê Văn L, xử phạt bị cáo L từ 06 năm 06 tháng đến 07 năm tù;

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng các Điều 46, 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc các bị cáo cùng bồi thường thiệt hại cho bị hại N số tiền 70.062.000 đồng

Về vật chứng: áp dụng Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy: 01 con dao bằng kim loại dài 23cm cán gỗ màu nâu, 01 con dao bằng kim loại cán gỗ dài 11cm, chiều rộng 01cm.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Lê Trọng Đ, L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại, không tranh luận gì khác.

Bị hại Trương Văn N yêu cầu các bị cáo bồi thường các khoản chi phí sau: chi phí cho việc cứu chữa, bồi dưỡng phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút: 34.302.000 đồng; chi phí cho người chăm sóc trong thời gian điều trị: 8.760.000 đồng; bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần: 52.000.000 đồng. Tổng cộng là: 95.062.000 đồng. Khấu trừ số tiền 25.000.000 đồng mẹ bị cáo Nguyễn Hữu Đ đã bồi thường cho bị hại N, số tiền còn lại là 70.062.000 đồng, bị hại N yêu cầu các bị cáo cùng tiếp tục bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Lê Thị H không yêu cầu bị cáo Nguyễn Hữu Đ phải hoàn trả số tiền bà H bồi thường cho bị hại N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Trịnh Thị B vắng mặt.

Quá trình điều tra bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện B. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện B. Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo Nguyễn Hữu Đ nói lời sau cùng: bị cáo nhận thấy hành vi bị cáo thực hiện là sai trái, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo về nuôi con, chăm sóc mẹ.

Bị cáo Lê Trọng Đ nói lời sau cùng: bị cáo thấy hành vi bị cáo sai trái, ăn năn hối hận, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo về làm người công dân tốt, phụng dưỡng bố mẹ.

Bị cáo Lê Văn L nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Vào khoảng 16 giờ ngày 04 tháng 6 năm 2017, do va chạm khi điều khiển xe mô tô, Nguyễn Hữu Đ rủ Lê Trọng Đ, Lê Trọng Đ rủ Lê Văn L đánh Trương Văn N. Nguyễn Hữu Đ đâm vào người N năm nhất vào vùng thân trên, Lê Trọng Đ đâm N hai nhát vào vùng bụng. L dùng tay đánh N. Các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Lê Trọng Đ, L gây thương tích cho bị hại N với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 59% (năm mươi chín phần trăm). Hành vi của các bị cáo có tính chất côn đồ, các bị cáo sử dụng dao bằng kim loại là hung khí nguy hiểm. Do đó, Hội đồng xét xử xác định: hành vi của các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Lê Trọng Đ, L đã vi phạm điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Lê Trọng Đ, L có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, thì *“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

b) Dùng a-xít nguy hiểm hoặc hóa chất nguy hiểm;

c) Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ;

d) Đối với ông, bà, cha, mẹ, thầy giáo, cô giáo của mình, người nuôi dưỡng, chữa bệnh cho mình;

đ) Có tổ chức;

e) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

g) Trong thời gian đang bị giữ, tạm giữ, tạm giam, đang chấp hành án phạt tù, đang chấp hành biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng hoặc đang chấp hành biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng hoặc đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

h) Thuê gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do được thuê;

i) Có tính chất côn đồ;

k) Đối với người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân.

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

...

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này;”. Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Lê Trọng Đ dùng dao đâm bị hại N, bị cáo L dùng tay đánh bị hại N. Hành vi của các bị cáo có tính chất côn đồ, các bị cáo sử dụng dao bằng kim loại là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại N với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 59% đủ yếu tố cấu thành tội cố ý gây thương tích.

[6] Tại phiên tòa: các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Lê Trọng Đ, L khai nhận hành vi phạm tội cố ý gây thương tích.

[7] Xét, tình hình tội phạm về xâm phạm sức khỏe của công dân tại địa phương diễn biến phức tạp. Người phạm tội còn trong độ tuổi còn rất trẻ. Hành vi phạm tội rất manh động, liều lĩnh, có tính chất côn đồ. Trong vụ án này, các bị cáo không có bất kì mâu thuẫn nào đối với bị hại, chỉ vì va chạm nhẹ trong việc tham gia giao thông, các bị cáo đã dùng hung khí nguy hiểm tấn công người khác. Hành vi của các bị cáo ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội, gây hoang mang, lo lắng cho nhân dân. Hành vi của các bị cáo thể hiện thái độ xem thường sức khỏe người khác, xem thường pháp luật. Do đó, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải xử lý thật nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội để giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[8] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như sau:

- Về nhân thân: Bị cáo Lê Trọng Đ khi phạm tội có 01 tiền sự; bị cáo L, sau khi gây án bỏ trốn, gây khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng. Các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Lê Trọng Đ, L đều có tiền án về tội cố ý gây thương tích nay lại tiếp tục thực hiện hành vi cố ý gây thương tích cho người khác. Cho thấy nhân thân các bị cáo là rất xấu.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo Lê Trọng Đ đã bị kết án chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý thuộc trường hợp tái phạm; các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, L đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi về tội rất nghiêm trọng do cố ý thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó, các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Lê Trọng Đ, L phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- + Bị cáo Nguyễn Hữu Đ tác động gia đình tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Lê Trọng Đ, L thành khẩn khai báo nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- + Bị cáo Nguyễn Hữu Đ có ông nội là Nguyễn Hữu N, bà nội là Nguyễn Thị M được tặng thưởng Huy chương kháng chiến là người có công với nước; bị cáo Lê Trọng Đ có ông nội là Lê Trọng N được tặng thưởng Huy chương kháng chiến là người có công với nước, bị cáo Lê Trọng Đ có thời gian phục vụ trong quân đội; các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Lê Trọng Đ đầu thú. Do đó các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Lê Trọng Đ được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[9] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Trong đó bị cáo Nguyễn Hữu Đ là người chủ động liên hệ với các bị cáo Lê Trọng Đ, L đánh bị hại N, bị cáo Lê Trọng Đ chuẩn bị hung khí, các bị cáo cùng thực hiện hành vi gây thương tích cho bị hại N. Do đó, bị cáo Nguyễn Hữu Đ vừa là người chủ mưu vừa là người thực hành. Các bị cáo còn lại là người thực hành tích cực. Hội đồng xét xử xét áp dụng Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[10] Đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với các bị cáo là chưa tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân

thân người phạm tội, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[11] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Trương Văn N yêu cầu các bị cáo Lê Trọng Đ, Nguyễn Hữu Đ và L cùng bồi thường các khoản sau: chi phí cho việc cứu chữa, bồi dưỡng phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút: 34.302.000 đồng. Chi phí này có hóa đơn chứng từ phù hợp, Hội đồng xét xử xác định là chi phí hợp lý cho việc cứu chữa; chi phí cho người chăm sóc trong thời gian điều trị: 8.760.000 đồng. Chi phí này phù hợp với thu nhập của người chăm sóc; bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần: 52.000.000 đồng, tương ứng bốn mươi lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định là phù hợp quy định tại Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tổng số tiền bị hại yêu cầu bồi thường là 95.062.000 đồng. Bà Lê Thị H (mẹ bị cáo Nguyễn Hữu Đ) đã bồi thường cho bị hại N 25.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 70.062.000 đồng, bị hại N yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường. Các bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại. Xét, đây là sự tự nguyện của các bị cáo và bị hại không trái pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại các Điều 46, 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà Lê Thị H không yêu cầu bị cáo Nguyễn Hữu Đ hoàn lại số tiền 25.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về vật chứng:

- Xe mô tô biển số 61T5-1544, Lê Trọng Đ sử dụng làm phương tiện phạm tội là của bà Trịnh Thị B. Bà B cho Lê Trọng Đ mượn xe để đi làm. Việc Lê Trọng Đ sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện phạm tội bà B không biết nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với bà B. Ngày 16-10-2017, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả lại xe mô tô trên cho bà B là đúng quy định.

- 01 con dao bằng kim loại dài 23cm cán gỗ màu nâu, 01 con dao bằng kim loại cán gỗ dài 11cm, chiều rộng 01cm là công cụ, phương tiện phạm tội, không có giá trị, không sử dụng được nên tịch thu và tiêu hủy theo quy định tại Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[13] Về án phí:

Các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Lê Trọng Đ, L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào các Điều 46, 48; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào các Điều 584, 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 106, 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Mục 1 Phần I Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo) của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Lê Trọng Đ, Lê Văn L phạm “Tội cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Đ 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14-8-2017, khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 04-6-2017 đến 13-6-2017.

Xử phạt bị cáo Lê Trọng Đ 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07-8-2017, khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 04-6-2017 đến 13-6-2017.

Xử phạt bị cáo Lê Văn L 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12-11-2017.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Lê Trọng Đ, Lê Văn L cùng liên đới bồi thường cho ông Trương Văn N 70.062.000 đồng (bảy mươi triệu không trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao bằng kim loại dài 23cm cán gỗ màu nâu, 01 con dao bằng kim loại cán gỗ dài 11cm, chiều rộng 01cm (theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 17-01-2018 cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện B).

5. Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Lê Trọng Đ, Lê Văn L, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Lê Trọng Đ, Lê Văn L cùng phải nộp 3.503.000 đồng (Ba triệu năm trăm lẻ ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Công an huyện B;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ánh Tuyết